TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2025/HS-PT
Ngày: 27-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng, Kiểm sát viên.

Từ ngày 24/3 đến ngày 27/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 690/2024/TLPT-HS ngày 31/7/2024, đối với bị cáo Đặng Thị Lan A, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 271/2024/HS-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị Lan A**, sinh năm 1985 tại tỉnh Thái Bình; Giới tính: nữ; Hộ khẩu thường trú: 1 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ B Chung cư A, F M, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị T; Chồng Đoàn Hữu T1 (đã li hôn), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh ngày 06/01/2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Huỳnh Anh T2, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại phiên toà).

- Bị hại: Trường tiểu học C1; Địa chỉ: 6 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc P (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Cao Thị Thu H, Bùi Thị Nguyệt T3 và Nguyễn Thị Kiều L1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/7/2021, UBND quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 71/UBND-TTQ-M, kèm theo Kết luận thanh tra số 66/KL-UBND-M ngày 15/7/2021, gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đề nghị xem xét vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quản lý sử dụng tài chính, tài sản công xảy ra tại Trường Tiểu học C1, quận G. Theo nội dung Kết luận thanh tra số 66/KL-UBND-M ngày 15/7/2021 của UBND Quận G, xác định: Thực hiện theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 12/3/2021, của Chủ tịch UBND quận G về thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công tại Trường Tiểu học C1. Từ ngày 18/3/2021 đến ngày 29/4/2021, Đoàn Thanh tra tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Tiểu học C1; trực tiếp kiểm tra hồ sơ, làm việc với các đơn vị và cá nhân có liên quan, xác minh các nội dung theo hồ sơ, báo cáo thực tế. Quá trình thanh tra, nhận thấy: Từ năm 2009 đến đầu năm 2021, Đặng Thị Lan A - Phụ trách Kế toán Trường Tiểu học C1 đã có hành vi lập khống nhiều hóa đơn, chứng từ thanh toán, kê khai số lượng hoàng hóa, trang thiết bị, văn phòng phẩm không đúng làm thất thoát của Nhà trường tổng số tiền **3.380.052.964** đồng. Trong số tiền thất thoát, Thanh tra xác định có hành vi chiếm đoạt, tham ô số tiền **2.241.873.500** đồng từ việc lập khống hóa đơn và thanh toán sai quy định. Do đó, ngày 23/7/2021, UBND quận G đã ban hành văn bản số 71/UBND-TTQ-M gửi Cơ quan Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H kiến nghị tiếp nhận, giải quyết, xử lý hành vi có dấu hiệu tham ô số tiền **2.241.873.500** đồng. Ngày 09/02/2022, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự để điều tra theo qui định.

Trường Tiểu học C1 được thành lập theo Quyết định số 503/QĐ-UB ngày 03/4/1998, của UBND quận G. T4 có 2 cơ sở, Cơ sở 1 tại địa chỉ số F Q; Cơ cở 2 tại địa chỉ E Q, Phường A. Cơ cấu tổ chức bộ máy của T4 thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học, gồm Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, các Tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5, Tổ năng khiếu và Tổ văn phòng; thành lập các hội đồng như Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng. Tại thời điểm Thanh tra, T4 có 70 viên chức, nhân viên đang công tác; Trong đó, có 03 viên chức quản lý, 42 giáo viên biên chế, 03 nhân viên biên chế, 06 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68 trong chỉ tiêu biên chế, 02 hợp đồng lao động thường xuyên và 14 nhân viên hợp đồng ngắn hạn. T4 là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động theo Nghị định số 16/2015/NĐ/CP

ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Nguồn thu đơn vị gồm: Ngân sách cấp, thu sự nghiệp (học buổi 2, phục vụ bán trú, thiết bị vật dụng bán trú, vệ sinh phí bán trú, phục vụ ăn sáng, năng khiếu, tích hợp, anh văn bản ngữ, tăng cường tiếng anh, kỹ năng sống, anh văn toán khoa…); thu hộ - chi hộ (tiền ăn bán trú, ăn sáng, nước uống học sinh, bảo hiểm tai nạn học sinh, in đề thi…) và thu khác (kinh phí thực tập, căn tin, lãi ngân hàng); Trường tiểu học C1 có sử dụng tài khoản tiền gửi số 3713.0.1043444.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước đối với nguồn ngân sách và tài khoản số 115000007665 tại Ngân hàng C2 đối với nguồn thu sự nghiệp, thu hộ chi hộ.

Về quy chế quản lý, sử dụng tài chính, chứng từ tại Trường tiểu học C1:

Hàng năm, nhà trường có xây dựng "Quy chế chi tiêu nội bộ" dựa trên ý kiến góp ý của viên chức, người lao động. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản ghi nhận đầy đủ các nguồn thu và định mức sử dụng nguồn thu theo văn bản chỉ đạo của UBND quận G về thực hiện thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo công lập thuộc Quận theo từng năm học. Nhà trường có mở sổ theo dõi, quản lý và cập nhật chứng từ vào sổ sách, phân định từng nguồn thu, hạch toán vào phần mềm Imas; mở Sổ quỹ tiền mặt và kiểm kê hàng tháng; Phát hành biên lai khi thu học phí, thu thỏa thuận, thu hộ theo mẫu của Bộ T8 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Trong đó, nguồn ngân sách cấp được dùng chủ yếu chi lương, tiền công, phụ cấp theo lương; các khoản đóng góp theo lương; thanh toán dịch vụ công cộng (điện sáng, điện thoại, phí vệ sinh môi trường); tiền báo; văn phòng phẩm; nước uống (người lao động, học sinh); sửa chữa thường xuyên; phục vụ hoạt động chuyên môn; mua sắm tài sản cố định; phúc lợi...Nguồn thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ sử dụng theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh vào đầu năm học.

Về việc phát hiện một số hành vi có dấu hiệu sai phạm:

Qua kiểm tra hồ sơ rút dự toán ngân sách và Ủy nhiệm chi các nguồn sự nghiệp, nguồn thu hộ chi hộ do nhà trường cung cấp, đối chiếu sổ tiền gửi kho bạc, sao kê ngân hàng, xác minh tổ chức, cá nhân liên quan; Thanh tra quận G ghi nhận các sai phạm trong sử dụng tài chính, dẫn đến thất thoát tổng số tiền 3.380.052.964 đồng. Trong đó, xác định có hành vi chiếm đoạt, tham ô số tiền 2.241.873.500 đồng; số tiền còn lại là 1.138.179.464 đồng thất thoát do chi tiêu không đúng mục đích, quy chế chi tiêu, chưa rõ Thanh tra cần xác minh thêm… Quá trình thanh tra, Đặng Thị Lan A đã nộp lại toàn bộ số tiền nghi chiếm đoạt. Do đó, Thanh tra quận G kiến nghị làm rõ hành vi có dấu hiệu chiếm đoạt 2.241.873.500đ của bà Đặng Thị Lan A - Kế toán Nhà trường, cụ thể các hành vi như sau:

1. Hành vi Tham ô tài sản của Đặng Thị Lan A:

- *Hành vi sử dụng hóa đơn khống:* Mặc dù không có hoạt động mua bán hàng hóa với bà Nguyễn Thị Kiều L1 - Đại diện Hộ kinh doanh gia dụng Kiều

Loan nhưng từ tháng 5/2015 đến 31/12/2020, Đặng Thị Lan A vẫn lập nhiều ủy nhiệm chi khống để chuyển tổng số tiền **1.619.850.700 đồng** từ tài khoản của Nhà trường đến tài khoản số 0210100210620001 mang tên Nguyễn Thị Kiều L1 mở tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh T9. Trong đó, nguồn tiền từ ngân sách UBND quận G cấp, chuyển vào tài khoản của nhà trường tại kho bạc là **52.268.000 đồng**; số tiền còn lại **1.567.582.700 đồng** được chi từ tài khoản của nhà trường mở tại Ngân hàng V.

- *Hành vi "thanh toán không đúng số lượng thực tế mua":* Từ năm 2017 đến năm 2020, nhà trường có thực hiện thanh toán tiền mua nước uống, đồ dùng vệ sinh phí, gas cho một số nhà cung cấp. Tuy nhiên, so sánh giữa nhu cầu đề xuất của các bộ phận liên quan và số tiền thanh toán thực tế nhiều hơn, chênh lệch tổng số tiền **486.681.000** đồng. Trong đó, tiền nước uống của nhà cung cấp Công ty TNHH S2 là **92.008.000 đồng**; Đồ dùng vệ sinh của sạp bà Lưu Thị T5 - chợ X là **334.565.000 đồng**; Tiền Gas là **60.108.000 đồng**.

Ngoài các hành vi nêu trên, Thanh tra quận G còn phát hiện một số hành vi có dấu hiệu sai phạm như: Chi không đúng kế hoạch thu chi và quy chế chi tiêu nội bộ của T4 số tiền 195.449.800 đồng; Dùng hóa đơn hàng hóa, dịch vụ này để chứng minh cho hàng hóa, dịch vụ khác số tiền 279.513.944 đồng; Sử dụng chứng từ kế toán không phù hợp số tiền 101.848.000 đồng; C không có chứng từ số tiền 370.217.479 đồng; C không có hóa đơn hợp lệ số tiền 162.257.041 đồng.

- *Xác minh làm rõ sao kê giao dịch các tài khoản tại các Ngân hàng V1, Kho bạc Nhà nước quận G của Trường Tiểu học C1 và các tài khoản liên quan, nhận thấy:* Danh mục chi theo bảng kê "*Sử dụng hóa đơn khống*" liên quan đến bà Nguyễn Thị Kiều L1 do Thanh tra quận G lập so với sao kê tài khoản thực tế của nhà trường là đúng. Trong đó, các khoản chi vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kiều L1 mở tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh T9 ghi nhiều nội dung chi như: Mua đồ dùng văn phòng, mua vật dụng văn phòng phẩm, dụng cụ bán trú, chi mua vật tư phục vụ công tác bán trú, chi tiền mua hàng vệ sinh… và được bà L1 sử dụng hóa đơn GTGT của H1 kinh doanh gia dụng Kiều Loan xuất cho Trường Tiểu học C1.

- *Xác minh tại Chi cục T10, được biết:* Hộ kinh doanh gia dụng Kiều Loan do bà Nguyễn Thị Kiều L1 làm đại diện. Hộ hoạt động tại S Chợ T, phường T, Quận A. Hộ có kê khai, báo cáo thuế từ tháng 01/2005 đến năm 2021. Trong đó, từ năm 2015 đến năm 2021, H1 kê khai theo phương pháp khoán tại Chi cục T10 và có thể hiện kê khai các hóa đơn xuất khống cho Trường tiểu học C1.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị Lan A, khai nhận: Đặng Thị Lan A bắt đầu làm việc tại Trường Tiểu học C1 từ năm 2009, theo Quyết định về tuyển dụng viên chức số 1562/QĐ-UBND ngày 27/11/2009, của UBND quận G. Đến cuối tháng 7/2021, sau khi Thanh tra quận G tiến hành thanh tra và ban hành Kết luận Thanh tra số 66/KL-UBND-M ngày 15/7/2021 Lan A nhận quyết định tạm

đình chỉ công tác, chờ xử lý cho đến nay. Tại Trường tiểu học C1, Đặng Thị Lan A được phân công phụ trách Kế toán thuộc bộ phận Tài Vụ của nhà trường và được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng. Bộ phận tài vụ của nhà trường có tổng cộng 03 nhân viên, ngoài Đặng Thị Lan A ra còn có Nguyễn Thị Diễm C - Thủ quỹ và một nhân viên phụ việc khác. Trong đó, Đặng Thị Lan A là người duy nhất phụ trách công tác Kế toán của nhà trường. Đặng Thị Lan A là 01 trong 03 nhân viên thuộc biên chế của Trường tiểu học C1 hưởng lương theo ngạch kế toán viên Trung cấp, theo chuẩn ngạch viên chức Nhà nước. Đặng Thị Lan A được giao thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tài chính, kế toán như: Theo dõi tình hình thu, chi thường xuyên và các khoản phát sinh thực tế trong năm kế toán. Lập thuyết minh dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Tính lương, chi lương, đóng bảo hiểm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Lập bảng tính các khoản thu tiền học bán trú cho học sinh học bán trú, cân đối các khoản thu, chi theo nguyên tắc thu đủ bù chi. Đối chiếu công nợ với các đơn vị cung cấp, các trung tâm liên kết dạy học cho nhà trường và thanh toán công nợ. Hạch toán nghiệp vụ nhận dự toán do Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp vào phần mềm kế toán. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ, chứng từ sổ sách liên quan đến công tác tài chính theo quy định của pháp luật. Hạch toán và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định, như: Mở sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định (viết tắt là TSCĐ), mua sắm, được cấp trên cấp; tính hao mòn TSCĐ, thanh lý, nhượng bán TSCĐ... Thực hiện các bút toán để xử lý các loại dự toán, các nguồn kinh phí cũng như các khoản chi vào cuối niên độ kế toán. Trong quá trình làm việc tại nhà trường, Đặng Thị Lan A có đăng ký chữ ký mẫu với chức danh là Kế toán trưởng trên các hồ sơ mở tài khoản của Trường Tiểu học C1 mở tại K Nhà nước quận G và tại Ngân hàng TMCP C2 (V1) - Chi nhánh I, TP .. Theo đó, các Lệnh chi và các chứng từ liên quan đến các tài khoản của nhà trường đều phải có chữ ký của Đặng Thị Lan A, chữ ký của Hiệu trưởng (Chủ tài khoản) và con dấu của nhà trường mới hợp lệ.

Liên quan đến các hành vi có dấu hiệu sai phạm theo Kết luận Thanh tra số 66/KL-UBND-M đề ngày 15/7/2021 của Thanh tra quận G, Lan A, khai nhận: Trước đây Lan A có mua hàng của Nguyễn Thị Kiều L1 tại chợ T11 nên quen biết. Quá trình quen biết, mặc dù không mua bán hàng hóa nhưng để chiếm đoạt tiền theo các lệnh chi do mình lập khống, Lan A đã tự thỏa thuận với L1 để xuất hóa đơn GTGT khống và đồng ý chi trả 10% số tiền ghi trên hóa đơn cho bà L1. Cụ thể: khi có hóa đơn bán hàng do L1 xuất khống, Lan A sẽ lập Lệnh chi, ký vào mục "*kế toán*" và trình cho Hiệu trưởng ký sau đó mang Lệnh chi đó đến bộ phận Văn thư đóng dấu của nhà trường. Khi Lệnh chi có đầy đủ chữ ký của kế toán, chủ tài khoản (Hiệu trưởng) và con dấu của nhà trường, Lan A trực tiếp đưa đến Ngân hàng V hoặc Kho bạc quận G (*nơi mở tài khoản của nhà trường*) để yêu cầu chuyển tiền đến tài khoản số 0210100210620001 mang tên L1 mở tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh T9. Khi nhận được tiền, L1 rút tiền mặt và thông báo để Lan A trực tiếp đến sạp bán hàng của L1 nhận tiền. Lan A xác nhận là người lập các phiếu chi khống, từ đó chuyển tổng số tiền **1.619.850.700 đồng** vào tài

khoản của bà L1 với mục đích chiếm đoạt, sử dụng cá nhân. Lan A thừa nhận: Sau khi trừ đi số tiền tương ứng 10% trên hóa đơn cho bà L1 thì số tiền thực tế Lan A nhận được là: **1.457.865.630 đồng** = (1.619.850.700đồng – 161.985.070 đồng).

Về việc khắc phục, Lan A, khai: Từ khi Phòng T12 sau đó là Đoàn Thanh tra thuộc quận G tiến hành thanh, kiểm tra đến khi ban hành kết luận Thanh tra nêu trên đến nay, Trường tiểu học C1 đã nộp lại toàn bộ số tiền **3.380.052.964 đồng** mà Thanh tra quận G xác định thất thoát. Trong đó, riêng Lan A tự nguyện nộp số tiền **2.899.875.700 đồng**, số tiền còn lại là 480.187.264 đồng bà Cao Thị Thu H tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

2. Hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Bùi Thị Nguyệt T3, Cao Thị Thu H:

- Bùi Thị Nguyệt T3 là Hiệu trưởng Trường tiểu học C1 (giai đoạn từ 2015 đến ngày 01/8/2017) bắt đầu làm việc tại Trường tiểu học C1 vào tháng 8/2008 theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 15/7/2008, của UBND quận G về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ, viên chức; với chức vụ Hiệu trưởng Trường tiểu học C1. Đến ngày 01/8/2017, T3 nghỉ hưu theo chế độ. Trong thời gian làm Hiệu trưởng, do tin tưởng Lan A nên đôi khi T3 không kiểm tra hóa đơn, chứng từ mà chỉ hỏi Lan A là đã đủ hóa đơn chưa và được báo là đủ nên T3 ký vào Lệnh chi hoặc Giấy rút dự toán từ Ngân sách. Ngoài ra, Lan A chọn những lúc T3 chuẩn bị đi họp hoặc công tác gấp để trình ký. Đối với các nhà cung cấp hàng cho nhà trường: Đầu năm, nhà trường sẽ gửi Thông báo mời thầu và thành lập Đoàn thẩm định, sau khi có sự thống nhất trong đoàn nhà trường sẽ thông báo cho các đơn vị trúng thầu biết để cung cấp. Riêng bà L1 thì T4 hoàn toàn không ký hợp đồng mà do Lan A tự liên hệ để thực hiện tất cả các giao dịch. T3 xác nhận trong tổng số tiền Lan A chi sai, chiếm đoạt có tổng cộng **196.775.500 đồng** trên các lệnh chi có chữ ký của bà với tư cách là Hiệu trưởng, chủ tài khoản; T3 không xúi giục và không nhận lợi ích vật chất gì từ Lan A.

- Cao Thị Thu H là Hiệu trưởng Trường tiểu học C1 (giai đoạn từ tháng 08/2017 đến tháng 3/2021) bắt đầu làm việc và giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường tiểu học C1 từ ngày 01/8/2017; theo Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, của UBND quận G; Tháng 3/2021, Đoàn Thanh tra của UBND quận G thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công tại nhà trường. Cuối tháng 7/2021, H bị tạm đình chỉ công tác và tháng 10/2021, UBND quận G ra Quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức "Cách chức". Từ ngày 01/11/2021, H được điều chuyển công tác về Trường Bồi dưỡng Giáo dục quận G; theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND quận G cho đến nay. H, khai: Giai đoạn đầu khi mới điều chuyển về T4, tất cả Lệnh chi, Giấy rút dự toán từ Ngân sách mà Lan A đưa bà đều kiểm tra nội dung, có hóa đơn, chứng từ kèm theo thì bà mới ký để chuyển tiền. Sau này, nhận thấy Lan A làm tốt nên rất tin tưởng. Theo bà H, do Lan A thường

trình ký gấp vào những thời điểm bà đang họp hoặc chuẩn bị đi công tác nên không kiểm tra hết. Bà thừa nhận trong tổng số tiền Lan A chi sai, chiếm đoạt có tổng cộng: **1.423.075.200 đồng** trên các lệnh chi phát sinh trong giai đoạn bà là Hiệu trưởng, chủ tài khoản; H không xúi giục và không nhận lợi ích vật chất gì từ Lan A.

3. Hành vi Mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Kiều L1: Loan đăng ký kinh doanh cá thể tại Sạp sành sứ nhôm gia dụng K, địa chỉ 5 Chợ T, Phường T, Quận A, TP ., theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 41A8010738 do U cấp ngày 09/4/2001, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 09/6/2006. Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là sành sứ, nhôm nhựa, chén dĩa, đồ gia dụng, xà bộng, bột giặt…Do Cục T13 cấp giấy nhận đăng ký thuế với mã số thuế 0300118972. Quá trình kinh doanh, bà L1 có quen biết Lan A và được Lan A trình bày rằng có mua hàng ở nơi khác nhưng không có hóa đơn nên muốn nhờ bà L1 xuất hóa đơn để làm hồ sơ quyết toán. Mặc dù không bán hàng hóa cho Trường tiểu học C1 nhưng vì tin tưởng Lan A nên bà L1 đã đồng ý thực hiện xuất 107 hóa đơn với số tiền 1.619.850.700 đồng và nhận 10% số tiền trên hóa đơn để đóng thuế và chi phí kinh doanh. L1 xác nhận tổng số tiền 1.619.850.700 đồng thể hiện trên các hóa đơn do S sành sứ nhôm gia dụng Kiều Loan xuất cho Trường tiểu học C1 nêu trên là xuất theo đề nghị của Lan A, không có mua bán hàng như thể hiện trên hóa đơn. Toàn bộ các hóa đơn bán hàng cho Trường tiểu học C1 đều được ghi nhận, báo cáo kê khai và nộp thuế theo qui định. L1 xác nhận, thông qua việc xuất hóa đơn khống theo đề nghị của Lan A bà có nhận được tổng số tiền 161.985.070 đồng (tương đương 10%) như thỏa thuận trước đó.

Tại Bản cáo trạng số 586/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Đặng Thị Lan A về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Cao Thị Thu H về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bùi Thị Nguyệt T3 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Nguyễn Thị Kiều L1 về tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 271/2024/HS-ST ngày 11/6/2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353, Điều 38, các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Lan A 15 (mười lăm) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Cao Thị Thu H, Bùi Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Kiều L1; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 12/6/2024, bị cáo Đặng Thị Lan A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bị cáo A khai có ông ngoại tên Đỗ Kim T6 có công cách mạng, em ruột của ông nội tên Đặng Kim T7 là cán bộ lão thành cách mạng, có bố tên Đặng Văn L là cán bộ công an nghỉ hưu được tặng thưởng 03 huân, huy chương các loại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo A làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo A:

- Về tội danh: Kết quả điều tra đã thể hiện với vai trò là kế toán trưởng của Trường tiểu học C1, bị cáo A đã lập khống các chứng từ chi tiền để chuyển số tiền 1.619.850.700 đồng từ tài khoản của nhà trường sang tài khoản của bị cáo L1; sau đó bị cáo L1 rút ra, trừ 10% VAT (161.985.070 đồng) và giao lại cho Anh 1.457.865.630 đồng và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo A về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo A và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo A là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo A không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo A phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Khi bị thanh tra phát hiện và trước khi khởi tố vụ án, bị cáo A đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và cả số tiền thất thoát; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đường lối xét xử đối với nhóm tội phạm về chức vụ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Anh bổ sung: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.457.865.630 đồng, bị cáo đã nộp tổng cộng 2.899.875.700 đồng, thừa 1.442.040.070 đồng. Trong tổng số tiền bị cáo đã nộp có 550.000.000 đồng do bị cáo H cho mượn, buộc bị cáo phải viết giấy vay tiền; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã vay. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền bị cáo đã nộp thừa.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo A xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về nuôi dạy 02 con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Lan A làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo A, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo A tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo Cao Thị Thu H, Bùi Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Kiều L1; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Với vai trò là kế toán trưởng của Trường tiểu học C1, lợi dụng việc buông lỏng quản lý và tin tưởng của các bị cáo H, T3 (là Hiệu trưởng nhà trường), bị cáo Lan A đã lập khống các chứng từ chi tiền, trình để các bị cáo T3, H ký, chuyển số tiền 1.619.850.700 đồng từ tài khoản của nhà trường sang tài khoản của bị cáo L1; sau đó bị cáo L1 rút ra, giữ lại 10% VAT tương đương 161.985.070 đồng và giao lại cho Anh 1.457.865.630 đồng và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này.

Bị cáo Lan A là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý là phạm tội, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo A về tội *"Tham ô tài sản"*, với tình tiết định khung tăng nặng *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở*

lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo A. Cụ thể bị cáo A có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang mang thai khi thực hiện hành vi phạm tội; đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn chồng và hiện đang nuôi hai con nhỏ; nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự là có căn cứ.

Đặc biệt do bị cáo A có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 15 năm tù là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các tình tiết mới về ông ngoại, ông nội, bố đẻ mà bị cáo A trình bày tại phiên toà phúc thẩm đã được bản án sơ thẩm áp dụng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ mới.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy tại cấp phúc thẩm bị cáo A không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Đối với số tiền 1.442.040.070 đồng mà bị cáo A nộp thừa so với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, trong đó có 550.000.000 đồng do bị cáo H cho vay, đây là số tiền thất thoát, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước. Do đó, việc bị cáo A đề nghị xem xét lại số tiền này là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Anh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Lan A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 271/2024/HS-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Lan A phạm tội "Tham ô tài sản".

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353, Điều 38, các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Lan A 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Thị Lan A phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa